

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI VÀ CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CƠ SỞ DỮ LIỆU THÔNG KÊ ĐẤT ĐAI
(TK05 phiên bản 2.1)
Tài liệu hướng dẫn sử dụng

HÀ NỘI - 2009

MỤC LỤC

<u>1. Giới thiệu chương trình TK05 phiên bản 2.1.....</u>	<u>4</u>
<u>1.1 Bản quyền của chương trình.....</u>	<u>4</u>
<u>1.2 Những nâng cấp trong TK05 phiên bản 2.1.....</u>	<u>4</u>
<u>1.3 Vận hành và sử dụng chương trình.....</u>	<u>5</u>
<u>1.4 Một số lưu ý người sử dụng.....</u>	<u>5</u>
<u>1.5 Hỗ trợ kỹ thuật.....</u>	<u>6</u>
<u>2. Các chức năng chính của TK05 phiên bản 2.1.....</u>	<u>7</u>
<u>2.1 Màn hình làm việc của chương trình.....</u>	<u>7</u>
<u>2.2 Khối chức năng hệ thống.....</u>	<u>7</u>
<u>2.3 Khối chức năng Bộ số liệu.....</u>	<u>11</u>
<u>2.4 Khối chức năng Nhập và tổng hợp số liệu.....</u>	<u>39</u>
<u>2.5 Khối chức năng Tiện ích.....</u>	<u>40</u>
<u>2.6 Khối chức năng Trợ giúp.....</u>	<u>40</u>
<u>3. Hệ thống mẫu biểu theo hướng dẫn số 1539/TCQLĐĐ –CĐKTK.....</u>	<u>41</u>
<u>3.1 Biểu số 01-TKĐĐ.....</u>	<u>42</u>
<u>3.2 Biểu số 02-TKĐĐ.....</u>	<u>47</u>
<u>3.3 Biểu số 03-TKĐĐ.....</u>	<u>48</u>
<u>3.4 Biểu số 04-TKĐĐ.....</u>	<u>48</u>
<u>3.5 Biểu số 05-TKĐĐ.....</u>	<u>48</u>
<u>3.6 Biểu số 06-TKĐĐ.....</u>	<u>52</u>

[3.7 Biểu số 07-TKĐĐ.....53](#)

[3.8 Biểu số 08-TKĐĐ.....55](#)

[3.9 Biểu số 09-TKĐĐ.....55](#)

[3.10 Biểu số 10-TKĐĐ.....55](#)

[3.11 Biểu số 11-TKĐĐ.....55](#)

[3.12 Biểu số 12-TKĐĐ.....56](#)

[3.13 Biểu số 13-TKĐĐ.....56](#)

[3.14 Biểu số 14-TKĐĐ.....57](#)

[3.15 Biểu số 15-TKĐĐ.....57](#)

[3.16 Biểu số 16-TKĐĐ.....57](#)

[3.17 Biểu số 17-TKĐĐ.....58](#)

[3.18 Biểu số 18-TKĐĐ.....58](#)

[3.19 Biểu số 19-TKĐĐ.....58](#)

[3.20 Biểu số 20, 21, 22, 23 TKĐĐ.....58](#)

1. Giới thiệu chương trình TK05 phiên bản 2.1

1.1 Bản quyền của chương trình

Ngày 26 tháng 10 năm 2009, Tổng cục Quản lý đất đai đã ban hành hướng dẫn số 1539/TCQLĐĐ -CĐKTK về thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai. Trên cơ sở này, Tổng cục Quản lý đất đai và Cục Công nghệ Thông tin tiến hành nâng cấp phần mềm TK05 2.0 lên phiên bản 2.1 để phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai năm 2010.



1.2 Những nâng cấp trong TK05 phiên bản 2.1

- Hệ thống mẫu biểu mới được thiết lập sẵn theo thông tư 08/2007/TT-BTNMT và hướng dẫn số 1539/TCQLĐĐ -CĐKTK, tương thích hoàn toàn với các bộ số liệu đã được thiết lập theo phần mềm TK05 2.0. Hỗ trợ đầy đủ việc tổng hợp số liệu theo đơn vị hành chính các cấp, cập nhật số liệu biến động cũng như trợ giúp người dùng trong việc thiết kế mẫu biểu và in báo cáo cho phù hợp khi hệ thống chạy trên nền các hệ điều hành khác nhau.

- Chức năng xuất các biểu ra Microsoft Word: Điểm mạnh của khuôn dạng này là hỗ trợ cho in ấn rất thuận tiện, tuy nhiên điểm yếu là không hỗ trợ cho việc tính toán theo công thức dạng bảng tính điện tử nên khi cần chỉnh sửa nhanh những mục nhỏ thì phải sửa dữ liệu trực tiếp trên TK05. Một số ý kiến đề nghị bổ sung chức năng xuất các biểu đã tổng hợp ra dạng bảng tính điện tử (khuôn dạng XLS) của phần mềm Microsoft Excel với hệ thống công thức nội bộ trong một bảng tính (sheet) đã được thiết lập sẵn. Dự kiến sẽ hoàn thiện chức năng này tại bản SP1 và được đăng tải trên website www.gdla.gov.vn vào tháng 4 năm 2010.

- Sử dụng dấu “,” làm dấu phân cách giữa phần nguyên và phần thập phân: Việc sử dụng hệ thống ký hiệu số ngược nhau giữa Việt Nam và các nước Châu Âu, Mỹ (sử dụng ngược nhau ý nghĩa các dấu phân cách “,” và “.”) dẫn đến phần mềm TK05 in các biểu không theo quy định về dấu phân cách ký hiệu số theo kiểu Việt Nam. Phần mềm TK05 phiên bản 2.1 cho phép nhập số liệu theo kiểu Việt Nam (hoặc có thể nhập theo kiểu Châu Âu) nhưng lúc in ra mẫu biểu phải in theo kiểu Việt Nam.

- Không phải nhập các diện tích đất ở khu vực đô thị: Phiên bản TK05 2.1 hỗ trợ phân biệt khu vực hành chính nông thôn và đô thị trong phần thiết lập bảng mã hành chính. Hệ thống có chức

năng tự động phân biệt (tên đơn vị hành chính có chữ PHƯỜNG thì là khu vực đô thị) khi người sử dụng nhập chính xác tên đơn vị hành chính cấp Xã, Phường, Thị trấn.

- Cho phép tùy chọn in ấn với số chữ số thập phân tùy chọn: Theo thông tư 28/2004/TT-BTNMT đơn vị tính diện tích trong mẫu biểu thống kê là ha. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng một số địa phương có yêu cầu phần mềm TK05 cho phép tùy chọn đơn vị tính diện tích vì nếu để diện tích là ha thì biểu thống kê cấp Xã có số liệu quá nhỏ. Để giải quyết vấn đề này, phần mềm TK05 phiên bản 2.1 cho phép tùy chọn số chữ số thập phân sau dấu phẩy (hiện tại đang cố định là 2 chữ số).

- Giữa các bộ số liệu cần có sự liên kết: Các bộ số liệu hiện tại đang quản lý trong TK05 chưa có sự liên kết với nhau và chưa tự động sinh ra các biểu luân chuyển diện tích đất đai. Trong thiết kế của phiên bản 1.2 đã có chức năng này, tuy nhiên do biến động của các chỉ tiêu thống kê cũng như loại đất nên chức năng này chưa hoạt động. Trong phiên bản 2.1 đã thiết kế và hoàn chỉnh chức năng liên kết các bộ số liệu (với điều kiện có chung một cấu trúc mẫu biểu, bảng mã loại đất và bảng mã đơn vị hành chính).

TK05 phiên bản mới đã khắc phục tối đa các lỗi mà người dùng gặp phải trong quá trình cài đặt khi gặp hệ điều hành thiếu các thư viện hỗ trợ cho chương trình. Đồng thời nâng cấp các chức năng chưa thực sự ổn định của các phiên bản trước.

1.3 Vận hành và sử dụng chương trình

Cách thức cài đặt và sử dụng các chức năng của chương trình về cơ bản không có sự khác biệt so với các phiên bản TK05 trước. Do đó, trong hướng dẫn cho TK05 phiên bản 2.1 chúng tôi không nhắc tới việc làm thế nào để cài đặt và sử dụng chương trình nữa. Người dùng nên thực hiện tuân tự các bước theo hướng dẫn sử dụng đã được mô tả khá kỹ trong hướng dẫn sử dụng của TK05 phiên bản 1.2 hoặc 2.0 để đạt được hiệu quả cao nhất.

Trong tài liệu này, chúng tôi đi chi tiết vào việc cụ thể hoá công tác nhập liệu và tổng hợp cho các đối tượng chính là các mẫu biểu. Cũng như cách thức xuất, nhập số liệu từ các cấp đơn vị hành chính khác nhau để tổng hợp lên một bộ số liệu tùy theo nhu cầu sử dụng.

Việc nhập số liệu và tổng hợp cho các mẫu biểu trong tài liệu sẽ hướng dẫn cụ thể. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ cố gắng giải quyết những vấn đề liên quan đến chương trình. Còn tất cả các thắc mắc về nghiệp vụ thống kê, kiểm kê (mục đích sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất, đánh giá các tiêu chí sử dụng) xin người dùng gửi thông tin trực tiếp đến Cục Đăng ký và Thống kê - Tổng cục Quản lý đất đai hoặc trao đổi trực tuyến qua diễn đàn của website <http://www.gdla.gov.vn>

1.4 Một số lưu ý người sử dụng.

- Tất cả những hình ảnh Nhập số liệu, Tổng hợp, hay Xuất báo cáo trong hướng dẫn sử dụng chỉ mang ý nghĩa minh họa cho từng bước thực hiện chương trình nhằm mang lại cho người sử dụng cái nhìn trực quan và dễ hiểu.

- **Thực hiện tuân tự các bước cũng như bám sát vào các Thông tư, Chỉ thị và Hướng dẫn lập biểu** sẽ mang lại hiệu quả tốt nhất khi ứng dụng chương trình trong công tác Thống kê, kiểm kê đất đai năm 2010 trên phạm vi toàn quốc.

1.5 Hỗ trợ kỹ thuật

Tổng cục Quản lý đất đai tiếp tục phát huy các phương pháp hỗ trợ kỹ thuật sử dụng Internet là môi trường hỗ trợ chủ yếu. Công tác hỗ trợ kỹ thuật cho phiên bản mới này sẽ được tổ chức hợp lý và chặt chẽ hơn nhằm giúp cho người sử dụng ở các địa phương và các đơn vị sử dụng TK05 ứng dụng tốt công nghệ vào công tác kiểm kê đất đai hàng năm và thống kê đất đai định kỳ 5 năm.

Mọi yêu cầu xin gửi tới:



TRUNG TÂM LƯU TRỮ VÀ THÔNG TIN ĐẤT ĐAI - TỔNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
(Phòng Quản lý Hạ tầng Công nghệ Thông tin)

78/9 đường Giải phóng- Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 04.39905850

Email: support@tnmt.vn hoặc support@gdla.gov.vn

Hoặc người sử dụng có thể truy cập tại website www.gdla.gov.vn để tải về các bản sửa lỗi, gửi các yêu cầu trợ giúp cũng như các thông báo cho chúng tôi. Ngoài ra, tại diễn đàn TK05 chúng tôi sẽ trả lời các thắc mắc của người sử dụng trong thời gian sớm nhất.

2. Các chức năng chính của TK05 phiên bản 2.1

2.1 Màn hình làm việc của chương trình

The screenshot shows the TK05 2.0 software interface. At the top is a menu bar with options like 'Hệ thống', 'Bộ số liệu', 'Nhập và tổng hợp', 'Tiện ích', and 'Trợ giúp'. Below the menu bar is a toolbar with icons for 'Thoát', 'Truy nhập', 'Khóa hệ thống', 'Thông số máy in', and 'Thiết lập hiển thị chữ số'. The main area is divided into several sections:

- Left Panel:** A tree view showing the hierarchy of districts and wards. A callout box labeled 'Danh mục ĐVHC' points to this list.
- Bottom Left:** A table titled 'Thống kê danh mục ĐVHC' showing summary statistics.
- Center:** A list of statistics with columns for 'Tên biểu' and 'Số hiệu biểu'. A callout box labeled 'Danh mục các biểu thống kê, kiểm kê' points to this list.
- Bottom Center:** A table titled 'Thống kê trạng thái số liệu' showing the status of data for various wards.
- Right:** A 3D pie chart for 'Quận Ba Đình' showing two categories: 'Có số liệu' (7.14%) and 'Chưa có số liệu' (92.86%).

2.2 Khối chức năng hệ thống

The screenshot shows the 'Hệ thống' (System) menu. The menu items and their keyboard shortcuts are:

- Truy nhập hệ thống (Ctrl+L)
- Đổi mật khẩu
- Quản lý người sử dụng (Ctrl+U)
- Thông số hệ thống (Ctrl+P)
- Khóa hệ thống
- Thoát (Alt+F4)

There are also two sub-menus visible:

- Tham số máy in
- Thiết lập hiển thị chữ số

2.2.1 Truy nhập hệ thống

The screenshot shows the user login dialog box. It contains the following information:

- Title: Thông tin người dùng
- Username field: Tên người dùng (admin)
- Password field: Mật khẩu (masked with asterisks)
- Time and date: Thời điểm truy nhập: 10:19:13 - 17/12/2007
- Buttons: Truy nhập (with a checkmark icon) and Hủy bỏ (with an X icon)

2.2.2 Đổi mật khẩu

Đổi mật khẩu

Mật khẩu cũ

Mật khẩu :

Mật khẩu mới

Nhập mới :

Nhập lại :

2.2.3 Quản lý người dùng

Quản lý người sử dụng

Sử dụng danh sách dưới đây để cấp hoặc hủy bỏ quyền truy nhập vào cơ sở dữ liệu thống kê.

Danh sách người sử dụng

Tên truy nhập	Tên đầy đủ	Thuộc nhóm
admin	admin	Quản trị hệ thống

2.2.3.1 Thêm người dùng

Thêm người sử dụng

Thông tin chung

Tên truy nhập :

Tên đầy đủ :

Đơn vị :

Mật khẩu :

Thuộc nhóm

Nhóm quản trị
Có toàn quyền truy nhập CSDL, có quyền cấp phép hoặc hủy bỏ cấp phép cho người sử dụng khác

Nhóm nhập liệu
Chỉ được phép cập nhật CSDL, không có quyền tổng hợp và tra cứu

Nhóm tổng hợp và tra cứu
Không có quyền cập nhật dữ liệu. Chỉ có quyền tổng hợp và tra cứu CSDL

2.2.3.2 Xem thông tin người dùng

Thông tin về người sử dụng

Thông tin chung

Tên truy nhập :

Tên đầy đủ :

Đơn vị :

Phân nhóm

Nhóm quản trị
Có toàn quyền truy nhập CSDL, có quyền cấp phép hoặc hủy bỏ cấp phép cho người sử dụng khác

Nhóm nhập liệu
Chỉ được phép cập nhật CSDL, không có quyền tổng hợp và tra cứu

Nhóm tổng hợp và tra cứu
Không có quyền cập nhật dữ liệu. Chỉ có quyền tổng hợp và tra cứu CSDL

2.2.3.3 Xoá người dùng khỏi hệ thống

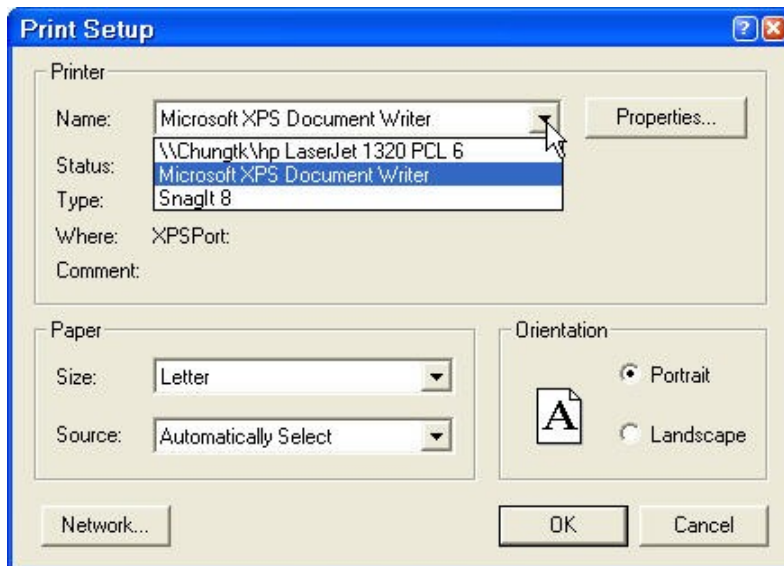
Xác nhận xóa người sử dụng

Có chắc chắn xóa tên truy nhập hungtl khỏi hệ thống không ?

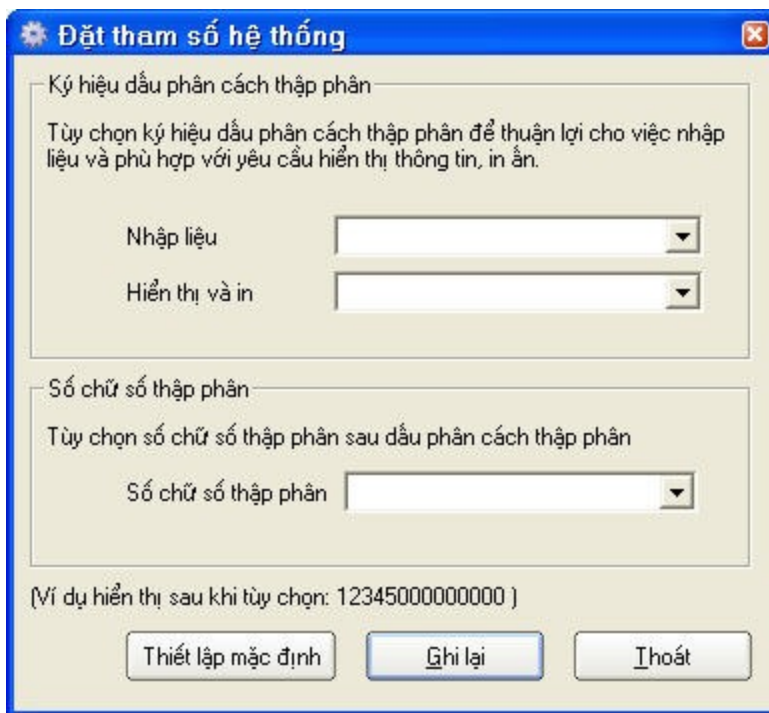
2.2.4 Tham

số hệ thống

2.2.4.1 Thiết lập máy in



2.2.4.2 Thiết lập hiển thị chữ số

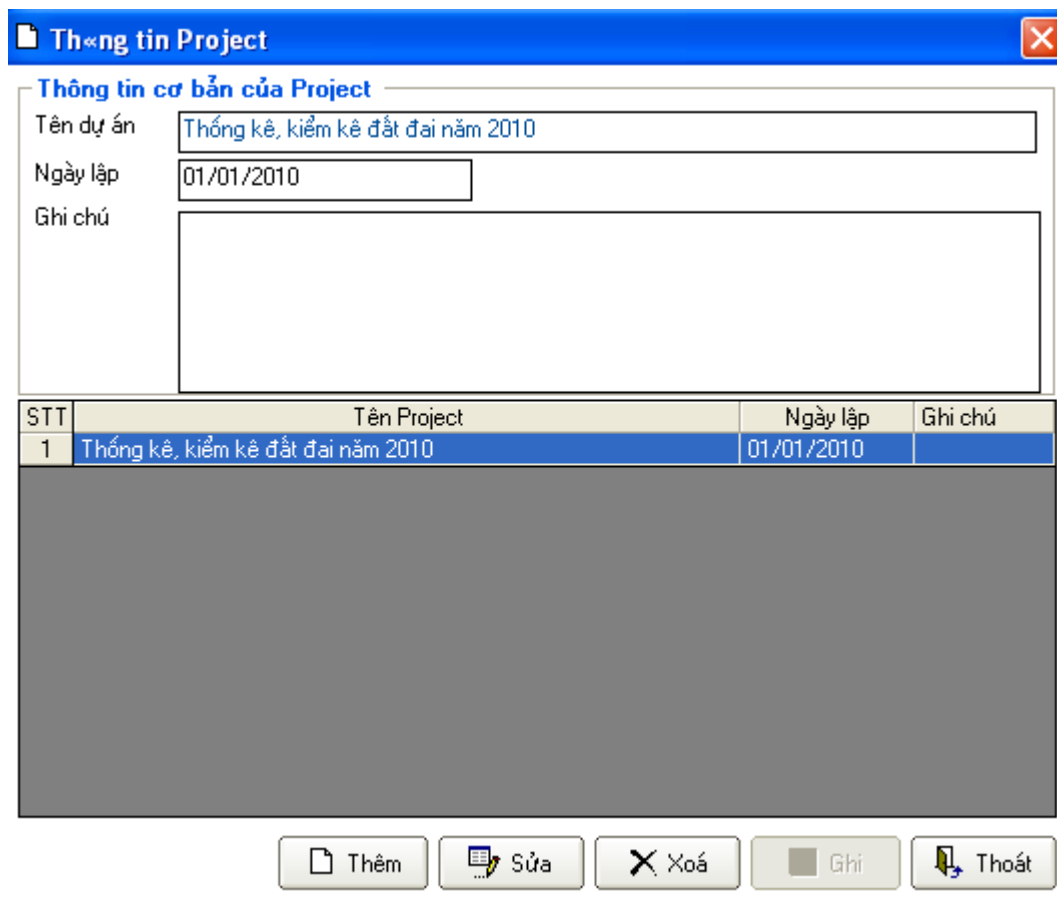


- **Nhập liệu:** Cho phép thiết lập nhập số liệu bằng dấu chấm ‘.’ hoặc dấu phẩy ‘,’
- **Hiển thị và in:** Cho phép thiết lập in ấn theo định dạng đã chọn
- **Số chữ số thập phân:** Cho phép lấy số các chữ số sau dấu phẩy ‘,’
- **Thiết lập mặc định:** Lấy thiết lập của hệ điều hành

2.3 Khối chức năng Bộ số liệu



2.3.1 Thiết lập bộ số liệu mới

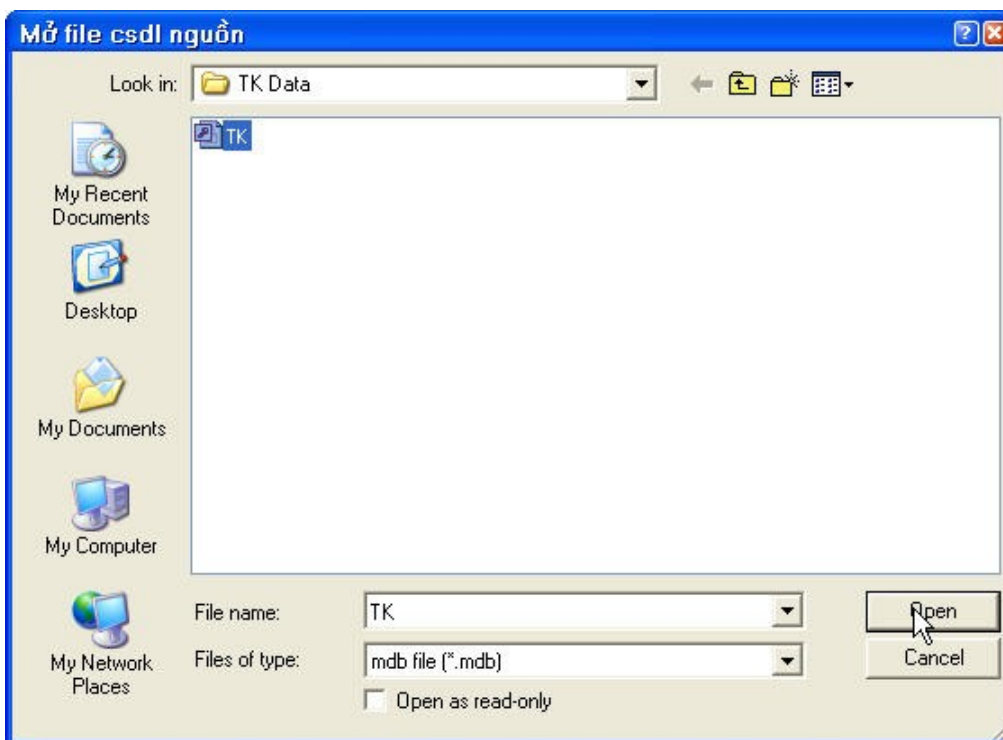


2.3.2 Thêm bộ số liệu từ MDB

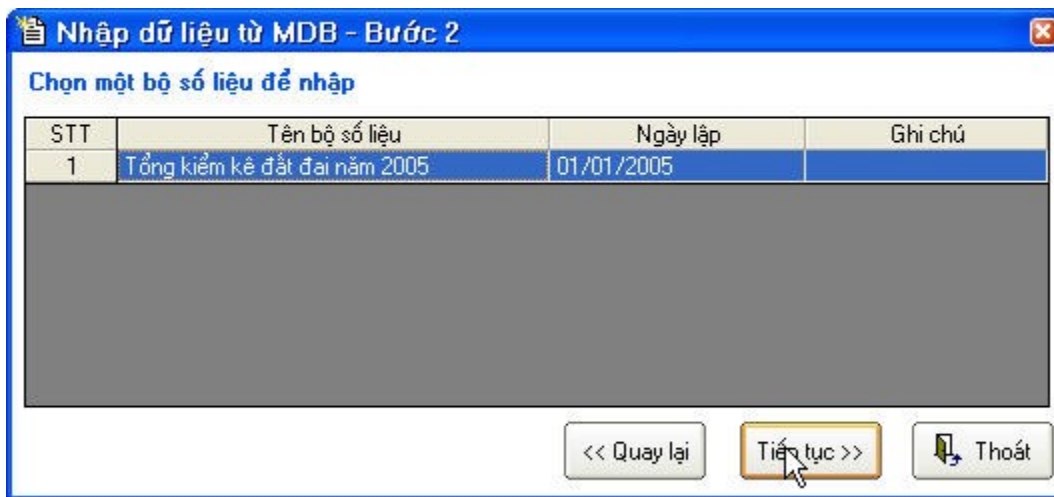
- Chọn chức năng Thêm bộ số liệu



- Chọn CSDL nguồn cần thêm



- Chọn Tiếp tục để chương trình thực hiện và chờ trong giây lát



2.3.3 Định nghĩa các bảng mã

2.3.3.1 Bảng mã đơn vị hành chính

- Thêm, sửa, xoá các đơn vị hành chính cấp: xã, huyện, tỉnh

Bảng mã - **Đơn vị hành chính**

Thêm | Xóa | Ghi | Thoát

Nội dung bảng mã

Tên đơn vị hành chính	Mã Tỉnh	Mã Huyện	Mã Xã	Đồ thị
Thành phố Hà Nội	1	0	0	<input type="checkbox"/>
Quận Ba Đình	1	1	0	<input type="checkbox"/>
Phường Phúc Xá	1	1	1	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Trúc Bạch	1	1	4	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Vĩnh Phúc	1	1	6	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Cống Vị	1	1	7	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Liễu Giai	1	1	8	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Nguyễn Trung Trực	1	1	10	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Quán Thánh	1	1	13	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Ngọc Hà	1	1	16	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Điện Biên	1	1	19	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Đội Cấn	1	1	22	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Ngọc Khánh	1	1	25	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Kim Mã	1	1	28	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Giảng Võ	1	1	31	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Thành Công	1	1	34	<input checked="" type="checkbox"/>
Quận Hoàn Kiếm	1	2	0	<input type="checkbox"/>
Phường Phúc Tân	1	2	37	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Đồng Xuân	1	2	40	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Hàng Mã	1	2	43	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Hàng Buồm	1	2	46	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Hàng Đào	1	2	49	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Hàng Bồ	1	2	52	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Cửa Đông	1	2	55	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Lý Thái Tổ	1	2	58	<input checked="" type="checkbox"/>
Phường Hàng Bạc	1	2	61	<input checked="" type="checkbox"/>

Số đơn vị hành chính: Tỉnh : 64, Huyện : 682, Xã : 10981

2.3.3.2 Bảng mã các loại đất (Mã hàng)

- Thêm mới và xoá danh mục mã các loại đất

Bảng mã hàng

Mã bậc | Thêm mới | Xóa | Cập nhật | Thoát

Nội dung	B1	B2	B3	B4	B5	Mã loại đất
Tổng diện tích đất nông nghiệp	1	0	0	0	0	NNP
Đất sản xuất nông nghiệp	1	1	0	0	0	SXN
Đất trồng cây hàng năm	1	1	1	0	0	CHN
Đất trồng lúa	1	1	1	1	0	LUA
Đất chuyên trồng lúa nước	1	1	1	1	1	LUC
Đất trồng lúa nước còn lại	1	1	1	1	2	LUK
Đất trồng lúa nương	1	1	1	1	3	LUN
Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	1	1	1	2	0	COC
Đất trồng cây hàng năm khác	1	1	1	3	0	HNK
Đất bằng trồng cây hàng năm khác	1	1	1	3	1	BHK
Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	1	1	1	3	2	NHK
Đất trồng cây lâu năm	1	1	2	0	0	CLN
Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	1	1	2	1	0	LNC
Đất trồng cây ăn quả lâu năm	1	1	2	2	0	LNQ
Đất trồng cây lâu năm khác	1	1	2	3	0	LNK
Đất lâm nghiệp	1	2	0	0	0	LNP
Đất rừng sản xuất	1	2	1	0	0	RSX
Đất có rừng tự nhiên sản xuất	1	2	1	1	0	RSN
Đất có rừng trồng sản xuất	1	2	1	2	0	RST
Đất khoanh nuôi phục hồi rừng sản xuất	1	2	1	3	0	RSK
Đất trồng rừng sản xuất	1	2	1	4	0	RSM
Đất rừng phòng hộ	1	2	2	0	0	RPH
Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	1	2	2	1	0	RPN
Đất có rừng trồng phòng hộ	1	2	2	2	0	RPT
Đất khoanh nuôi phục hồi rừng phòng hộ	1	2	2	3	0	RPK
Đất trồng rừng phòng hộ	1	2	2	4	0	RPD
Đất rừng đặc dụng	1	2	3	0	0	RDD
Đất có rừng tự nhiên đặc dụng	1	2	3	1	0	RDN
Đất có rừng trồng đặc dụng	1	2	3	2	0	RDT

2.3.3.3 Bảng mã các đối tượng sử dụng, quản lý đất (Mã cột)

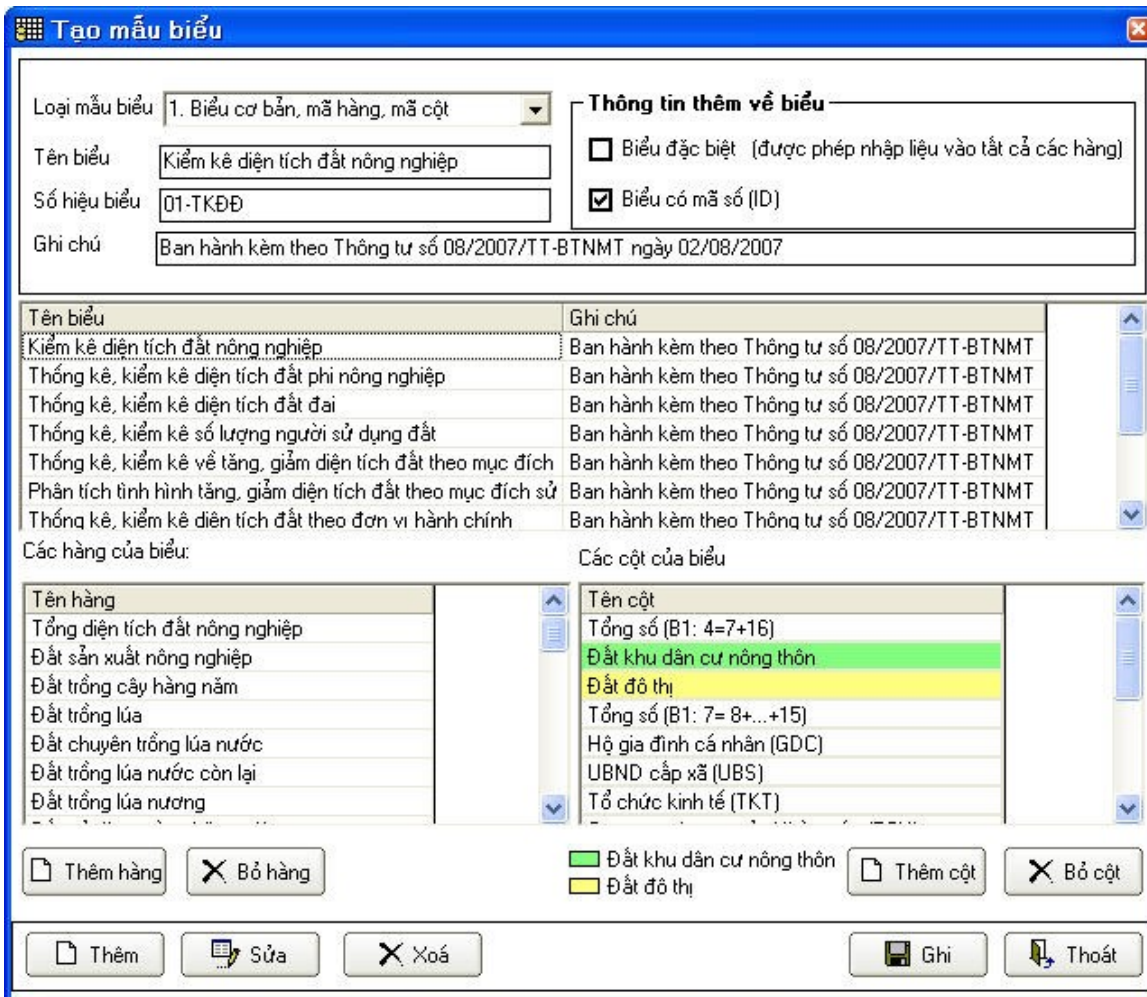
Nội dung	Cột cơ bản	Cột đặc biệt
Tổng số (B1: 4=7+16)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đất khu dân cư nông thôn	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Đất đô thị	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B1: 7= 8+...+15)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hộ gia đình cá nhân (GDC)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
UBND cấp xã (UBS)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức kinh tế (TKT)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức khác (TKH)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên doanh (TLD)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
100% vốn NN (TVN)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cộng đồng dân cư (CDS)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B1: 16=17+18)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cộng đồng dân cư (CDQ)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
UBND cấp xã (UBQ)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B2: 4=7+17)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B2: 7=8+9+...+16)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức ngoại giao (TNG)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B2: 17=18+19+20)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức khác (TKQ)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B3: 4=7+17)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B3: 7= 8+...+16)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B3: 17= 18+...+21)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổng số (B4: 4=5+...+13)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hộ gia đình cá nhân (GDC) - B4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
UBND cấp xã (UBS) - B4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức kinh tế (TKT) - B4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Cơ quan, đơn vị của Nhà nước (TCN) - B4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tổ chức khác (TKH) - B4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2.3.4 Thiết kế mẫu biểu

- Mở chức năng thiết kế mẫu biểu



- Chọn Danh sách mẫu biểu



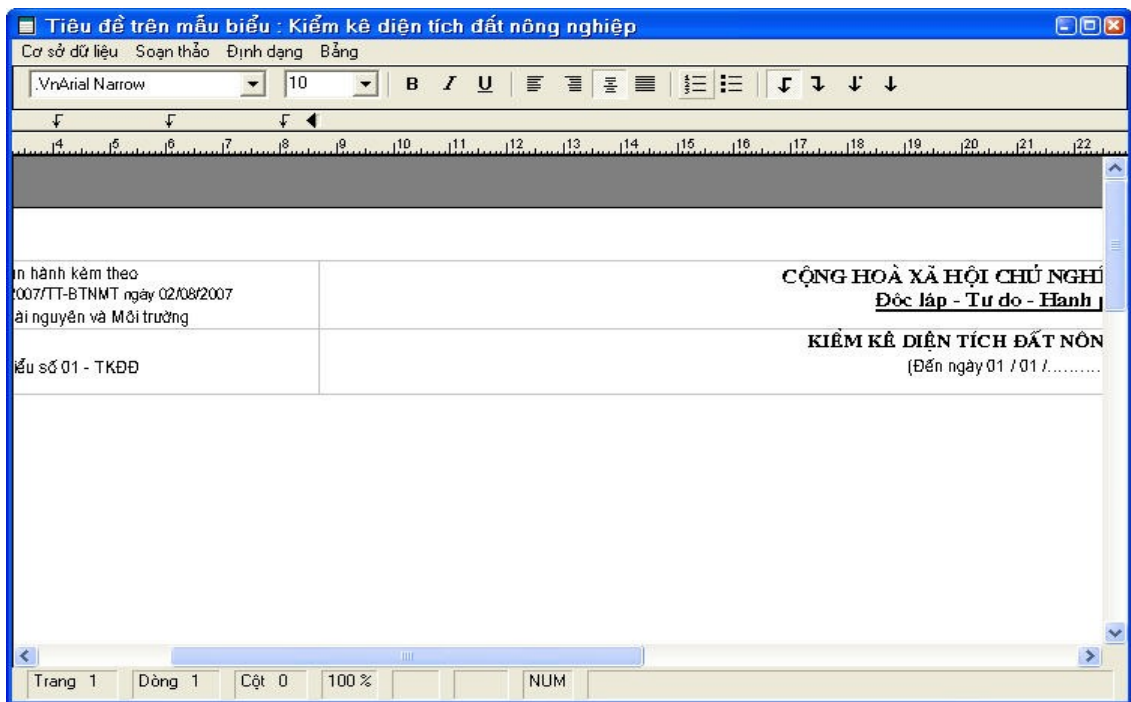
- Cho phép Thêm, sửa, xoá các mẫu biểu.
- Cho phép Thêm hàng, bỏ hàng, thêm cột, bỏ cột trong từng biểu

2.3.5 Thiết kế trang in



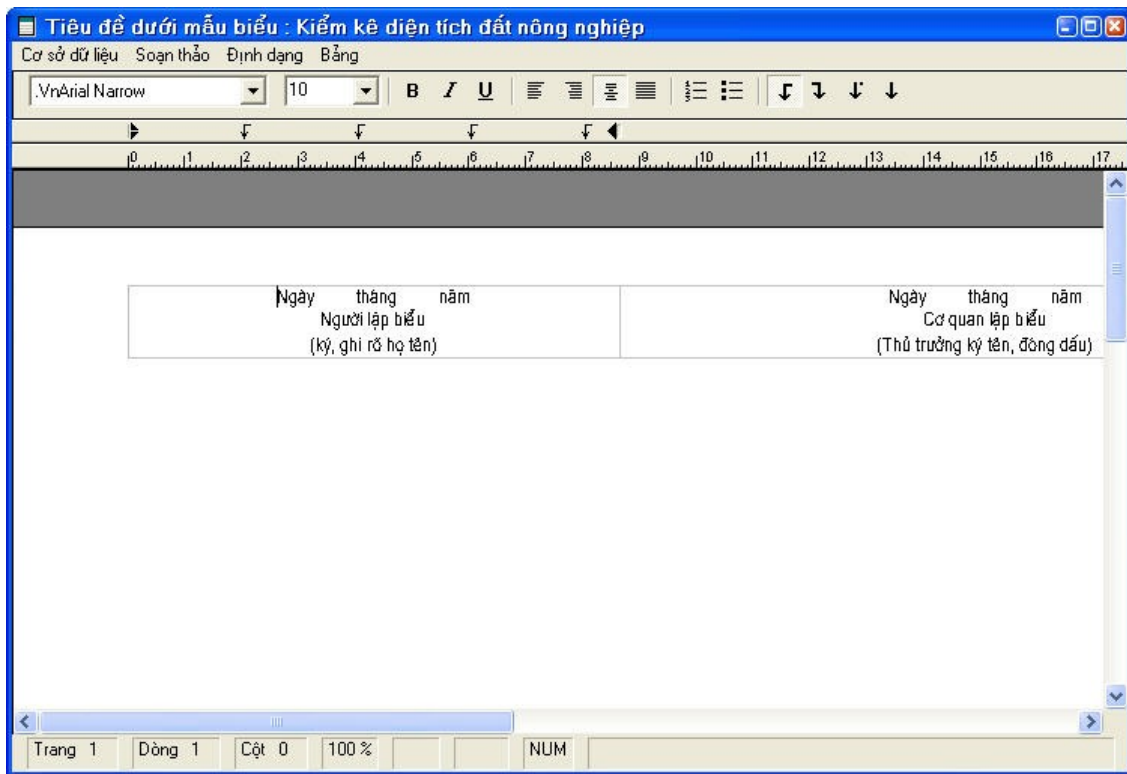
2.3.5.1 Tiêu đề trên

- Cho phép thay đổi tiêu đề trên của các biểu



2.3.5.2 Tiêu đề dưới

- Cho phép thay đổi tiêu đề dưới của các biểu



2.3.5.3 Nội dung bảng

- Cho phép thiết lập việc nhóm các cột trong biểu

idform	Hàng hoặc cột	Hàng bắt đầu nhóm	Cột bắt đầu nhóm	Kiểu in	Số lượng hàng cột được nhóm
91	0	1	1	0	3
91	0	1	2	0	3
91	0	1	3	0	3
91	1	1	4	0	3
91	0	2	4	0	2
91	1	2	5	0	2
91	1	1	7	0	9
91	0	2	8	0	2
91	1	2	9	0	4
91	1	2	13	0	2
91	1	1	16	0	3
91	0	2	16	0	2
91	0	2	18	0	2
91	0	2	7	0	2
91	0	2	15	0	2
91	0	2	17	0	2

2.3.5.4 Định dạng hàng

- Cho phép định nghĩa các hàng trong biểu

idform	Nội dung text thêm vào	Nội dung text thay thế khi in ấn	Vị trí hàng	Độ cao hàng	Độ cao hàng xuất ra	Kiểu chữ	Cơ chế
91	1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	1				11
91	1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	2				
91	1.1.1		3				
91	1.1.1.1		4				
91	1.1.1.1.1		5				
91	1.1.1.1.2		6				
91	1.1.1.1.3		7				
91	1.1.1.2		8				
91	1.1.1.3		9				
91	1.1.1.3.1		10				
91	1.1.1.3.2		11				
91	1.1.2		12				
91	1.1.2.1		13				
91	1.1.2.2		14				
91	1.1.2.3		15				
91	1.2	Đất lâm nghiệp	16				
91	1.2.1		17				
91	1.2.1.1		18				
91	1.2.1.2		19				
91	1.2.1.3		20				
91	1.2.1.4		21				
91	1.2.2		22				

2.3.5.5 Định dạng cột

- Cho phép thiết lập độ rộng của các cột trong biểu

Hình thức trình bày cột

idform	Vị trí của cột trên biểu	Độ rộng cột	Kiểu in
91	1	1.5	0
91	2	6.2	0
91	3	1.1	0
91	4	2.2	0
91	5	2	0
91	6	2	0
91	7	2.5	0
91	8	2	0
91	9	1.8	0
91	10	1.9	0
91	11	1.7	0
91	12	1.9	0
91	13	1.7	0
91	14	1.7	0
91	15	1.9	0
91	16	2.2	0

2.3.5.6 Định dạng bảng

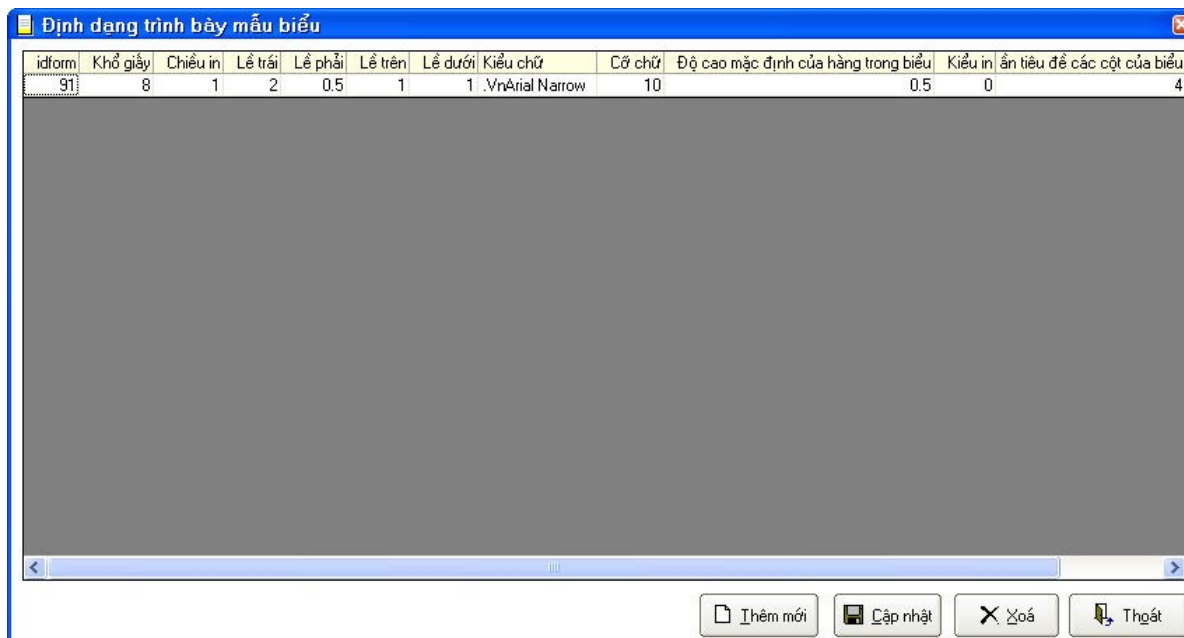
- Thiết lập thuộc tính của các cột trong biểu

Định dạng tiêu đề bảng

idform	Kiểu in	Hàng	Cột	Phần chữ của hàng, cột	Kiểu chữ	Cỡ chữ	K
91	0	2	13	Nhà đầu tư nước ngoài			
91	0	3	12	Tổ chức khác (TKH)			
91	0	3	13	Liên doanh (TLD)			
91	0	3	14	100% vốn NN (TVN)			
91	0	2	15	Cộng đồng dân cư (CDS)			
91	0	1	16	Diện tích đất theo đối tượng được giao để quản lý			
91	0	2	16	Tổng số			
91	0	2	17	Cộng đồng dân cư (CDQ)			
91	0	2	18	UBND Cấp xã (UBQ)			
91	0	4	1	(1)		8	
91	0	4	2	(2)			
91	0	4	3	(3)			
91	0	4	4	(4) = (7) + (16)		8	
91	0	4	5	(5)			
91	0	4	6	(6)			
91	0	4	7	(7) = (8) + ... + (15)			
91	0	4	8	(8)			
91	0	4	9	(9)			
91	0	4	10	(10)			
91	0	4	11	(11)			
91	0	4	12	(12)			

2.3.5.7 Định dạng biểu

- Thiết lập kiểu trang in, cỡ giấy, kiểu in cho biểu



2.3.6 Xuất

- Cho phép nguyên số liệu đã



dữ liệu ra file MDB

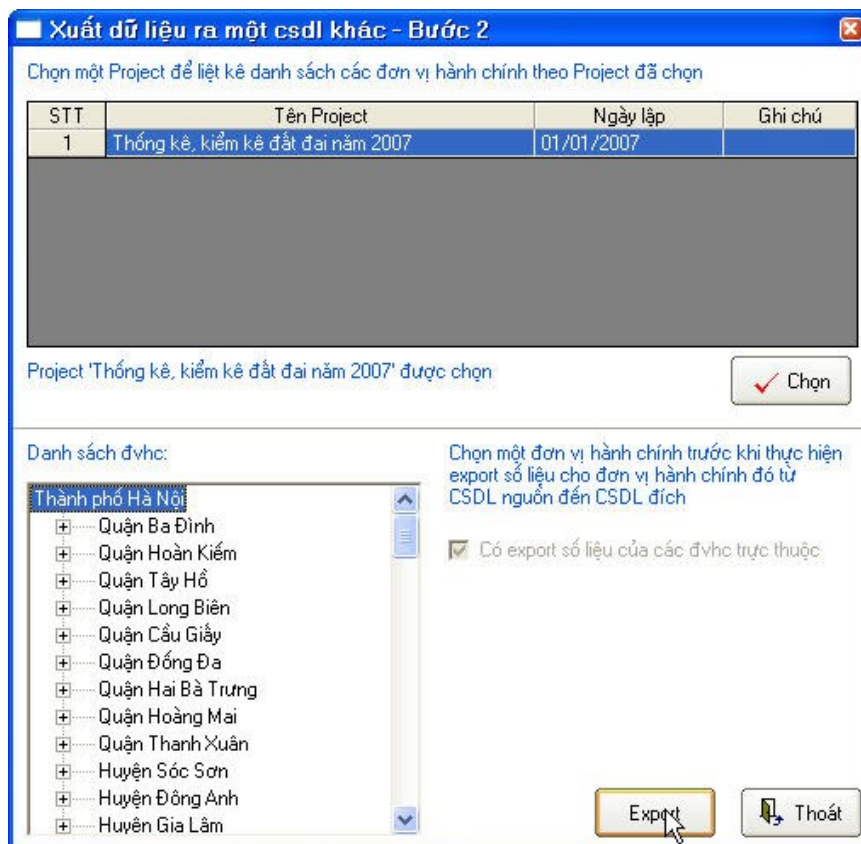
xuất bộ số liệu theo ĐVHC (Giữ nhập)

- Chọn thư mục lưu trữ

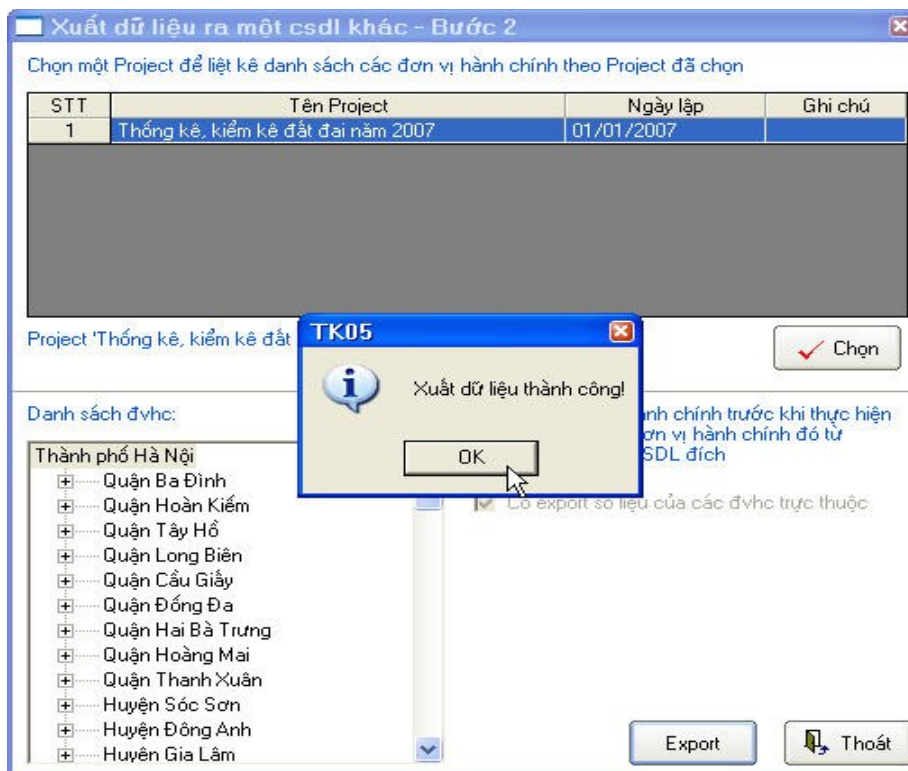


-
liệu và đơn vị hành chính

Chọn bộ số



- Thực hiện thành công



2.3.7 Nhập

dữ liệu từ file MDB

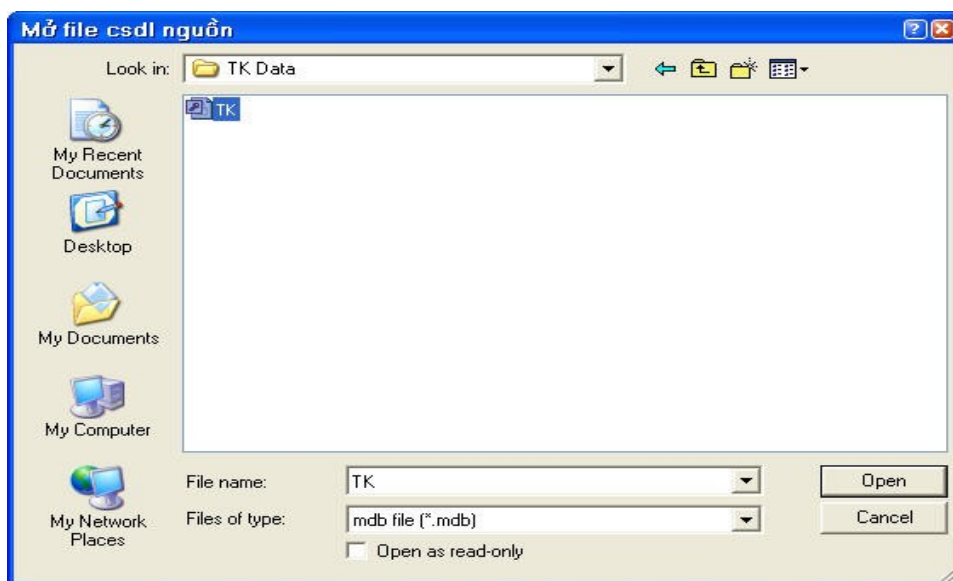
- Cho phép nhập bộ số liệu theo ĐVHC (Giữ nguyên số liệu đã nhập)



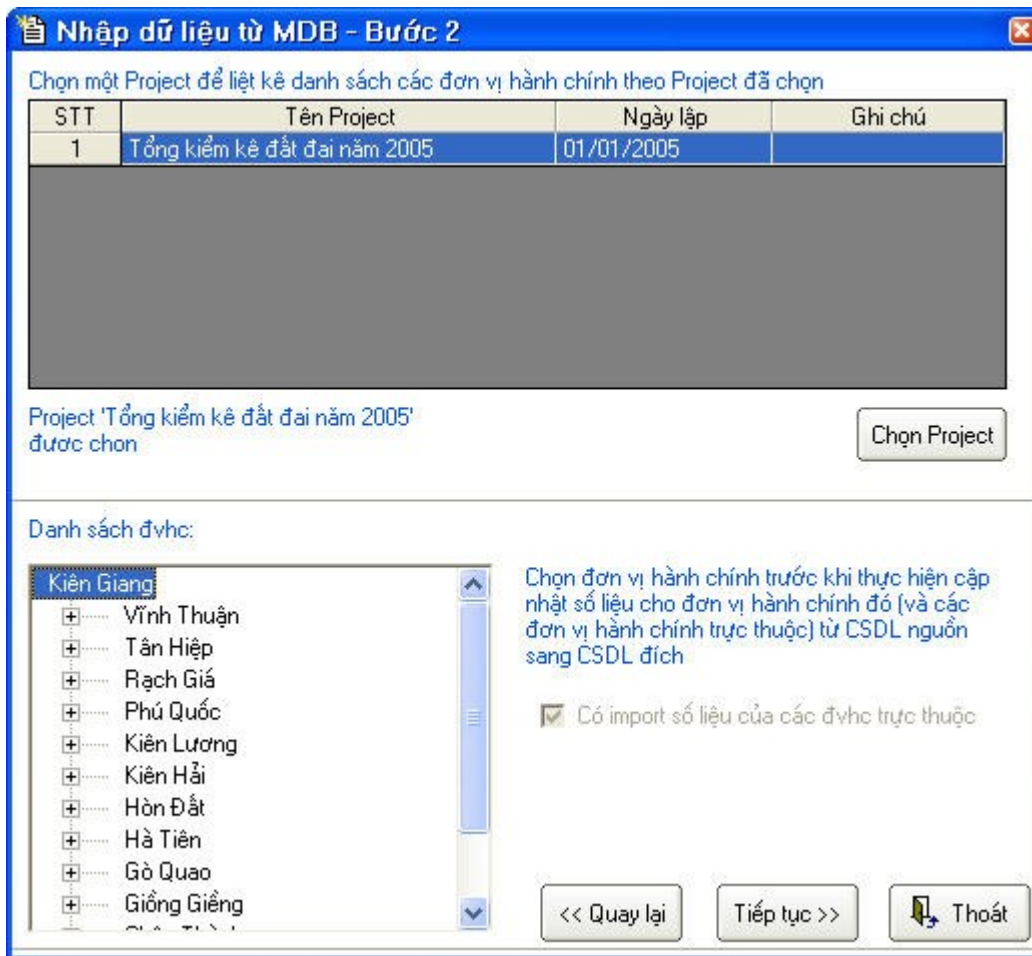
- Chọn chức năng Thêm bộ số liệu từ MDB



- Chọn CSDL nguồn cần lấy bộ số liệu



- Chọn Bộ số liệu và ĐVHC cần nhập

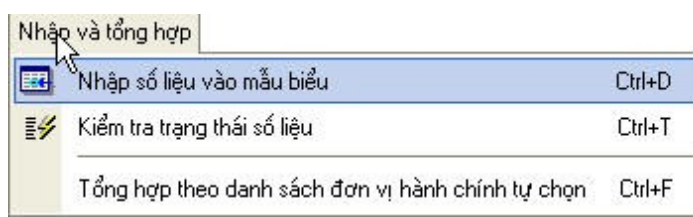


- Chọn Bộ số liệu đích



- Chọn Thực hiện. Quá trình thực hiện sẽ mất một khoảng thời gian

2.4 Khối chức năng Nhập và tổng hợp số liệu



2.4.1 Nhập số liệu vào mẫu biểu

2.4.2 Kiểm tra trạng thái số liệu

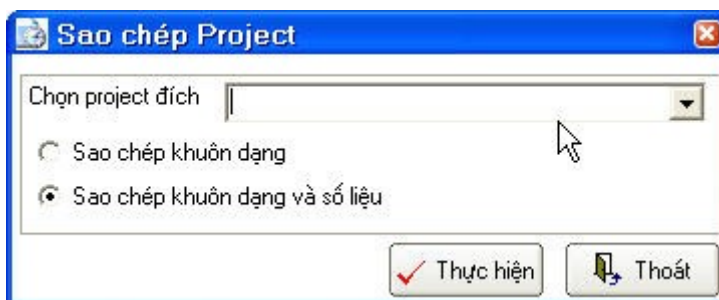
2.4.3 Tổng hợp theo danh sách đơn vị hành chính tự chọn

2.5 Khối chức năng Tiện ích



2.5.1 Sao chép bộ số liệu

- Cho phép sao chép bộ số liệu nguồn từ bộ số liệu đã có
- Sao chép khuôn dạng bộ số liệu
- Sao chép khuôn dạng và số liệu



2.5.2 Đồng bộ hoá hệ thống chỉ tiêu

2.5.3 Cập nhật số liệu diện tích

2.5.4 Xử lý biến động

Ghi chú : Các chức năng này đã được mô tả rất kỹ trong hướng dẫn sử dụng của các bản TK05 trước. Trong phần hướng dẫn sử dụng của hệ thống này không đề cập đến nữa.

2.6 Khối chức năng Trợ giúp



2.6.1 Danh mục

- Chọn chức năng hoặc nhấn phím F1 để hiển thị khung thông tin hướng dẫn sử dụng

2.6.2 Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến

- Tự động liên kết đến trang thông tin hỗ trợ kỹ thuật tại website: www.gdla.gov.vn với các tiện ích: Tải các bản vá lỗi, hướng dẫn sử dụng, các bản Demo chương trình, những vướng mắc kỹ thuật thường gặp trong quá trình sử dụng

2.6.3 Thông tin về phần mềm

3. Hệ thống mẫu biểu theo hướng dẫn số 1539/TCQLĐĐ –CDKTK.

Hướng dẫn thực hiện việc thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử

dụng đất của cả nước và các vùng lãnh thổ; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là tỉnh); huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là huyện); xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã).

Việc thống kê, kiểm kê đất đai được thực hiện trên các biểu sau:

3.1 Biểu số 01-TKĐĐ

Biểu 01-TKĐĐ: Kiểm kê diện tích đất nông nghiệp

Biểu này chỉ áp dụng trong kiểm kê đất đai để tổng hợp đối với các mục đích sử dụng đất chi tiết thuộc nhóm đất nông nghiệp. Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích thì biểu này chỉ tổng hợp theo mục đích sử dụng đất chính;

1. Truy nhập chương trình. Chọn ĐVHC cần nhập số liệu, chọn biểu cần nhập

The screenshot shows the TK05 2.0 software interface. The main window is titled "TK05 2.0 Phiên bản cấp Tỉnh". The menu bar includes "Hệ thống", "Bộ số liệu", "Nhập và tổng hợp", "Tiện ích", and "Trợ giúp". The toolbar contains "Thoát", "Truy nhập", "Khóa hệ thống", "Thông số máy in", "Thiết lập hiển thị chữ số", and "Trợ giúp".

The left sidebar shows a tree view of administrative units. Under "Bộ số liệu thứ 1", there is a folder "Thống kê, kiểm kê đất đai năm 2007". Below it, a list of provinces and districts is shown, with "Xã Mỹ Đình" selected.

The main area displays a table of indicators:

Tên biểu	Số hiệu biểu
Kiểm kê diện tích đất nông nghiệp	01-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất phi nông nghiệp	02-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai	03-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê số lượng người sử dụng đất	04-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê về tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng từ năm	05-TKĐĐ
Phân tích tình hình tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng	06-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo đơn vị hành chính	07-TKĐĐ
Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất	08-TKĐĐ
Biến động diện tích đất theo mục đích sử dụng năm, so với năm, và năm	09-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thu	10-TKĐĐ
Kiểm kê diện tích đất đai có sử dụng kết hợp vào mục đích khác	11-TKĐĐ

Below the table, there is a section for "Đvhc trực thuộc" (Subordinate units) with a table:

Đvhc trực thuộc	Trạng thái số liệu
Xã Mỹ Đình	Chưa có số liệu

To the right of this table is a pie chart titled "X: Mũ \$x\$nh". The chart shows 0.00% for "Có số liệu" (green) and 100.00% for "Chưa có số liệu" (red).

At the bottom left, there is a "Thống kê" (Summary) table:

Số Bộ số liệu:	1
Số Mẫu biểu:	11
Số Đơn vị hành chính cấp tỉnh:	64
Số Đơn vị hành chính cấp huyện:	682
Số Đơn vị hành chính cấp xã:	10981

2. Nhấp chuột vào nút “Nhập số liệu”

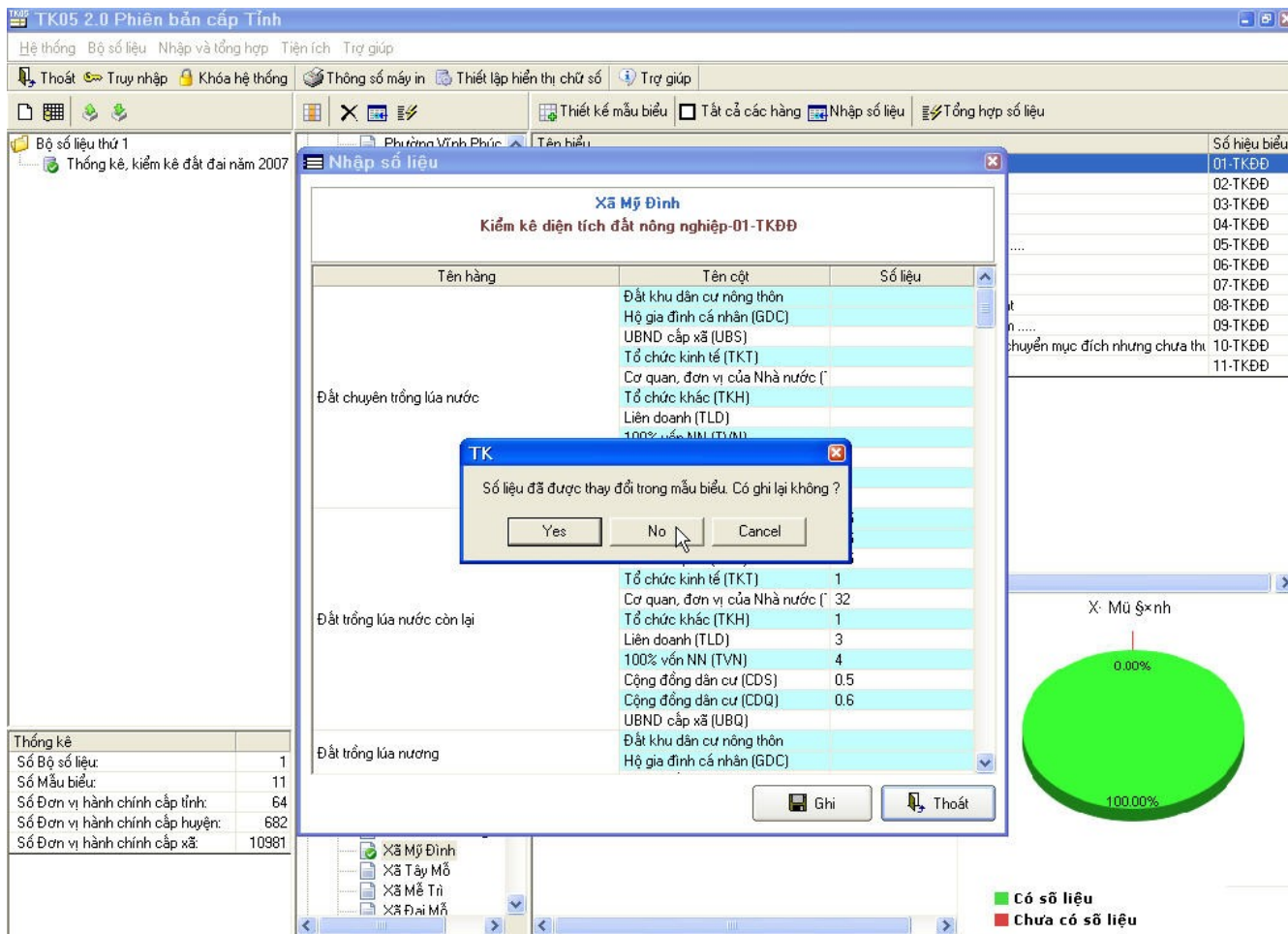
3. Nhập số liệu điện tích cho các chỉ tiêu

The screenshot displays the 'TK05 2.0 Phiên bản cấp Tỉnh' application. A 'Nhập số liệu' (Data Entry) dialog box is open, titled 'Xã Mỹ Đình' and 'Kiểm kê diện tích đất nông nghiệp-01-TKĐĐ'. The dialog contains a table for data entry:

Tên hàng	Tên cột	Số liệu
Đất chuyên trồng lúa nước	Cộng đồng dân cư (CDS)	
	Cộng đồng dân cư (CDQ)	
	UBND cấp xã (UBQ)	
	Đất khu dân cư nông thôn	1.5
Đất trồng lúa nước còn lại	Hộ gia đình cá nhân (GDC)	2.5
	UBND cấp xã (UBS)	3.5
	Tổ chức kinh tế (TKT)	1
	Cơ quan, đơn vị của Nhà nước	32
Đất trồng lúa nương	Tổ chức khác (TKH)	1
	Liên doanh (TLD)	3
	100% vốn NN (TVN)	4
	Cộng đồng dân cư (CDS)	0.5
	Cộng đồng dân cư (CDQ)	0.6
	UBND cấp xã (UBQ)	0.7
	Đất khu dân cư nông thôn	
	Hộ gia đình cá nhân (GDC)	
	UBND cấp xã (UBS)	
	Tổ chức kinh tế (TKT)	
Cơ quan, đơn vị của Nhà nước		
Tổ chức khác (TKH)		
Liên doanh (TLD)		
100% vốn NN (TVN)		
Cộng đồng dân cư (CDS)		
Cộng đồng dân cư (CDQ)		

At the bottom of the dialog are 'Lưu' (Save) and 'Thoát' (Exit) buttons. To the right, a pie chart titled 'X: Mũ 5xnh' shows a 100.00% completion rate for the selected category, with a legend indicating 'Có số liệu' (Green) and 'Chưa có số liệu' (Red).

4. Chọn “Thoát” nếu không muốn lưu



5. Chọn “No” để thoát khỏi phần nhập liệu
6. Chọn “Cancel” để trở lại màn hình nhập liệu
7. Chọn “Ghi” để lưu số liệu vào CSDL

TK05 2.0 Phiên bản cấp Tỉnh

Hệ thống Bộ số liệu Nhập và tổng hợp Tiện ích Trợ giúp

Thoát Truy nhập Khóa hệ thống Thông số máy in Thiết lập hiển thị chữ số Trợ giúp

Thiết kế mẫu biểu Tắt cả các hàng Nhập số liệu Tổng hợp số liệu

Bộ số liệu thứ 1
 Thống kê, kiểm kê đất đai năm 2007

Tên biểu	Số hiệu biểu
Kiểm kê diện tích đất nông nghiệp	01-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất phi nông nghiệp	02-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai	03-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê số lượng người sử dụng đất	04-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê về tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng từ năm	05-TKĐĐ
Phân tích tình hình tăng, giảm diện tích đất theo đơn vị hành chính	06-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo đơn vị hành chính	07-TKĐĐ
Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất	08-TKĐĐ
Biến động diện tích đất theo mục đích sử dụng năm, so với năm, và năm	09-TKĐĐ
Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thi	10-TKĐĐ
Kiểm kê diện tích đất đai có sử dụng kết hợp vào mục đích khác	11-TKĐĐ

Phường Vĩnh Phúc
 Phường Công Vị
 Phường Liễu Giai
 Phường Nguyễn Tr
 Phường Quán Thán
 Phường Ngọc Hà
 Phường Điện Biên
 Phường Đội Cấn
 Phường Ngọc Khánh
 Phường Kim Mã
 Phường Giảng Võ
 Phường Thành Cờn

Quận Hoàn Kiếm
 Quận Tây Hồ
 Quận Long Biên
 Quận Cầu Giấy
 Quận Đống Đa
 Quận Hai Bà Trưng
 Quận Hoàng Mai
 Quận Thanh Xuân
 Huyện Sóc Sơn
 Huyện Đông Anh
 Huyện Gia Lâm
 Huyện Từ Liêm

Thị trấn Cầu Diễn
 Xã Thượng Cát
 Xã Liên Mạc
 Xã Đông Ngạc
 Xã Thụy Phương
 Xã Tây Tựu
 Xã Xuân Đỉnh
 Xã Minh Khai
 Xã Cổ Nhuế
 Xã Phú Diễn
 Xã Xuân Phương
 Xã Mỹ Đình
 Xã Tây Mỗ
 Xã Mễ Trì
 Xã Đại Mỗ

TK
 Hệ thống đang ghi và tự động tổng hợp số liệu mẫu biểu

Đvchc trực thuộc	Trạng thái số liệu
Xã Mỹ Đình	Có số liệu

Thống kê

Số Bộ số liệu:	1
Số Mẫu biểu:	11
Số Đơn vị hành chính cấp tỉnh:	64
Số Đơn vị hành chính cấp huyện:	682
Số Đơn vị hành chính cấp xã:	10981

X: Mũ $\xi \times nh$

0.00%
100.00%

Có số liệu
 Chưa có số liệu

Chọn “Tổng hợp số liệu”

Tổng hợp số liệu

Đơn vị hành chính & Mẫu biểu
 Tên mẫu biểu : 01-TKĐĐ : Kiểm kê diện tích đất nông nghiệp
 Đơn vị hành chính : Xã Mỹ Đình - Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Loại đất	Mã số	Tổng số (B1: 4=7+16)	Đất khu dân cư nông	Đất đô thị	Tổng số (B1: 7= 8+...+15)	Hộ gia đình cá nhân	UBND cấp xã (UBS)	Tổ chức kinh tế (TKT)	Cơ quan, đơn vị của Nhà
1. Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	48.1	1.5		47.5	2.5	3.5	1	32
1.1 Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	48.1	1.5		47.5	2.5	3.5	1	32
1.1.1 Đất trồng cây hàng năm	CHN	48.1	1.5		47.5	2.5	3.5	1	32
1.1.1.1 Đất trồng lúa	LWA	48.1	1.5		47.5	2.5	3.5	1	32
1.1.1.1.1 Đất chuyển trồng lúa nước	LUC								
1.1.1.1.2 Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	48.1	1.5		47.5	2.5	3.5	1	32
1.1.1.1.3 Đất trồng lúa nương	LUN								
1.1.1.2 Đất cỏ dùng vào chăn nuôi	COC								
1.1.1.3 Đất trồng cây hàng năm khác	HNK								
1.1.1.3.1 Đất trồng cây hàng năm khác	BHK								
1.1.1.3.2 Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK								
1.1.2 Đất trồng cây lâu năm	CLN								
1.1.2.1 Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	LNC								
1.1.2.2 Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNQ								
1.1.2.3 Đất trồng cây lâu năm khác	LNK								
1.2 Đất lâm nghiệp	LNP								

Buttons: Tổng hợp lại, Xuất ra MSWord, Thoát

8.

g số để hợp số liệu

ĐVHC

đã nhập

9. Chọn “Xuất ra Msword” để hiển thị báo cáo

10. Kết quả.

Xã Mỹ Định-911217200713733 - Microsoft Word

File Edit View Insert Format Tools Table Window Help

60% [Normal] + (Lat) .VnArial Narrow 10 B I U

Đan hành kèm theo
Thông tư số 02/2007/TT-BTNH ngày 02/02/2007
của Bộ Tài nguyên và Môi trường

ĐKKV số 01 - TKDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẾT KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Đến ngày 01/01/.....)

Đơn vị báo cáo:
Xã Mỹ Định
Huyện Mỹ Đức
Tỉnh Thành phố Hà Nội

Đơn vị khai báo:

Thứ tự	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	Mã	Diện tích theo mục đích sử dụng đất				Diện tích đất theo chỉ lương sử dụng							Diện tích đất theo chỉ lương sử dụng để quản lý		
			Trang 01		Tổng số	Tỷ lệ đất nông nghiệp (TC)			Nhà ở	Công nghiệp	Đất ở	Tổng số	Cộng đồng dân cư (CDD)	UBND Cấp w (UBC)		
			Tổng số	Đất khu dân cư nông thôn		Đất phi nông nghiệp	Tổng số	Hạng định cư nhân (SDC)							UBND cấp xã (UBSX)	Tỷ lệ đất phi nông nghiệp (TKT)
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NHP	482,1	1,5	4	(7) (8) (9) (5)	4	3,5	1	32	1	3	4	0,5	0,8	0,8
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	482,1	1,5	47,5	2,5	3,5	1	32	1	3	4	0,5	0,8	0,8	0,8
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	482,1	1,5	47,5	2,5	3,5	1	32	1	3	4	0,5	0,8	0,8	0,8
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	482,1	1,5	47,5	2,5	3,5	1	32	1	3	4	0,5	0,8	0,8	0,8
1.1.1.1.1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC														
1.1.1.1.2	Đất trồng lúa nước còn lại	LUA	482,1	1,5	47,5	2,5	3,5	1	32	1	3	4	0,5	0,8	0,8	0,8
1.1.1.1.3	Đất trồng lúa nước	LUN														
1.1.1.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	COG														
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	NHK														
1.1.1.3.1	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK														
1.1.1.3.2	Đất trồng cây trồng cây hàng năm khác	NHK														
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN														
1.1.2.1	Đất trồng cây dứa	LNC														
1.1.2.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNO														
1.1.2.3	Đất trồng cây lâu năm khác	LNK														
1.2	Đất làm nông nghiệp	LNP														
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX														
1.2.1.1	Đất có rừng tự nhiên sản xuất	RSH														
1.2.1.2	Đất có rừng trồng sản xuất	RST														
1.2.1.3	Đất chuyên nuôi gia súc	RSG														
1.2.1.4	Đất chuyên nuôi gia cầm	RSC														
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH														
1.2.2.1	Đất có rừng tự nhiên phòng hộ	RPN														
1.2.2.2	Đất có rừng trồng phòng hộ	RPT														
1.2.2.3	Đất chuyên nuôi gia súc phòng hộ	RPK														
1.2.2.4	Đất chuyên nuôi gia cầm phòng hộ	RPC														
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD														
1.2.3.1	Đất có rừng tự nhiên đặc dụng	RDN														
1.2.3.2	Đất có rừng trồng đặc dụng	RDT														
1.2.3.3	Đất chuyên nuôi gia súc đặc dụng	RDK														
1.2.3.4	Đất chuyên nuôi gia cầm đặc dụng	RDC														
1.3	Đất làm kho bãi	NTS														
1.3.1	Đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt	TSL														
1.3.2	Đất nuôi trồng thủy sản nước mặn	TSM														
1.4	Đất làm muối	LMO														
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH														

Ngày tháng năm
Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Cơ quan lập biểu
(Thủ trưởng ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Cơ quan tài nguyên và môi trường
(Thủ trưởng ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
Thị trấn lập biểu
(Chủ tịch ký tên, đóng dấu)

Page 1 Sec 1 1/1 At 0,3" Ln 1 Col 1 REC TRK EXT OVR English (U.S)

3.2 Biểu số 02-TKDD

BIỂU 02-TKDD: Thống kê, kiểm kê diện tích đất phi nông nghiệp

Biểu này chỉ áp dụng trong kiểm kê đất đai để tổng hợp đối với các mục đích sử dụng đất chi tiết thuộc nhóm đất nông nghiệp. Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích thì biểu này chỉ tổng hợp theo mục đích sử dụng đất chính;

Các bước thao tác như biểu 1

3.3 Biểu số 03-TKĐĐ

Biểu 03-TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai

Biểu này áp dụng cho cả thống kê và kiểm kê đất đai để tổng hợp đối với các mục đích sử dụng đất chủ yếu thuộc các nhóm đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, các loại đất chi tiết thuộc nhóm đất chưa sử dụng và đất có mặt nước ven biển đang sử dụng vào các mục đích. Trường hợp đất đang sử dụng vào nhiều mục đích thì biểu này chỉ tổng hợp theo mục đích sử dụng đất chính;

Các bước thao tác như biểu 1

3.4 Biểu số 04-TKĐĐ

Biểu 04-TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê người sử dụng đất

Biểu này áp dụng cho cả thống kê và kiểm kê đất đai để tổng hợp về số lượng người sử dụng đất vào một số mục đích chủ yếu;

Chú ý: Khi nhập số liệu cho biểu 04-TKĐĐ nhập vào tất cả các chỉ tiêu (*Kể cả cơ bản và tổng hợp - Theo công văn bố sung hướng dẫn nghiệp vụ kiểm kê đất đai năm 2005*)

Các bước thao tác như biểu 1

3.5 Biểu số 05-TKĐĐ

Biểu 05-TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê về tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng

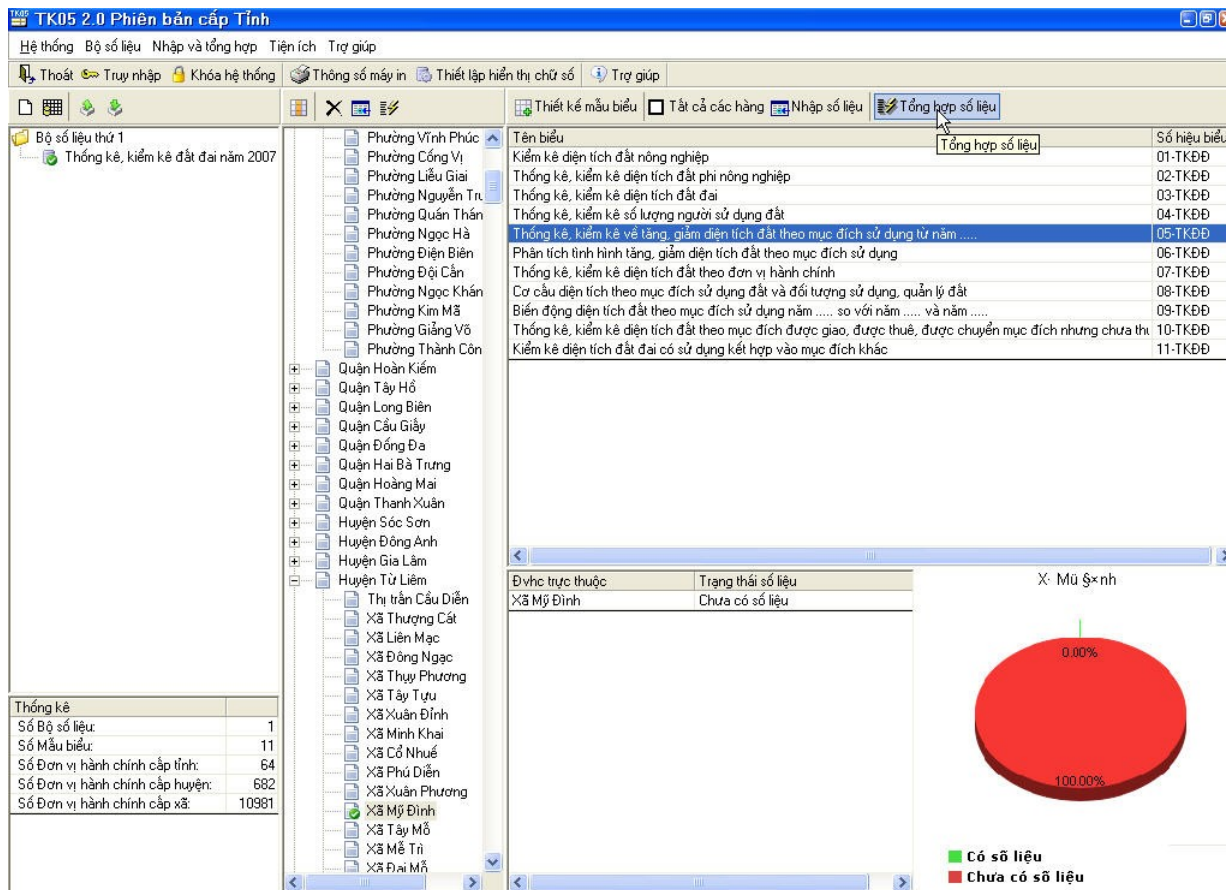
Biểu này áp dụng ở cấp xã để thu thập, tổng hợp số liệu về tăng, giảm diện tích đất theo các mục đích sử dụng từ thời điểm thống kê, kiểm kê đất đai kỳ trước đến thời điểm thống kê, kiểm kê đất đai kỳ này trên cơ sở số liệu từ hồ sơ địa chính trong kỳ thống kê đất đai (có kiểm tra thực địa đối với các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện); trên cơ sở số liệu điều tra thực địa, đối chiếu với hồ sơ địa chính trong kỳ kiểm kê đất đai;

Mẫu biểu 05 được áp dụng cho đơn vị hành chính cấp xã trong công tác thống kê, kiểm kê về tăng giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng.

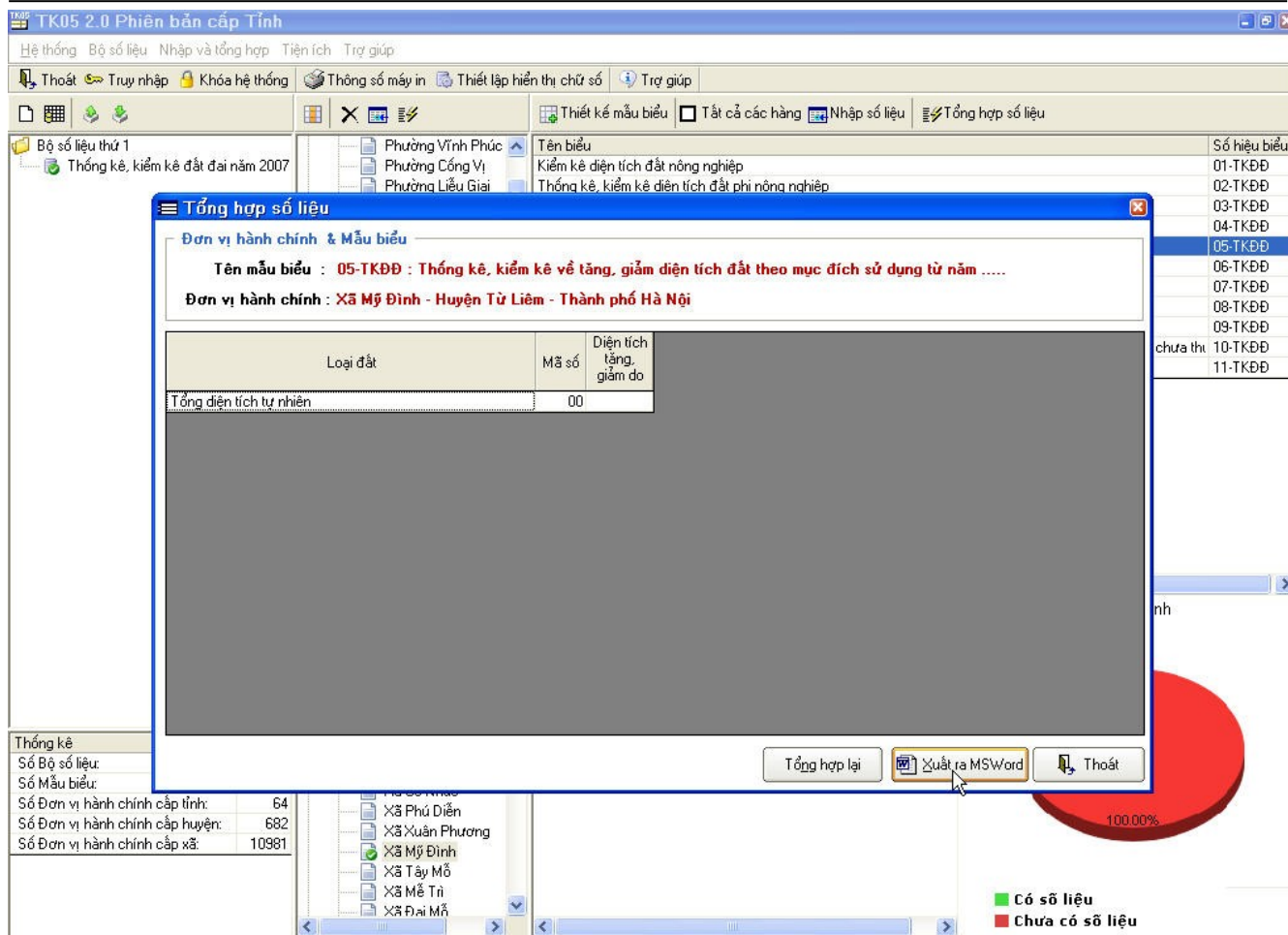
Với tính chất như thế thì mẫu biểu trên không có cấu trúc về thứ tự các loại đất cũng như biến động giữa các thời kỳ kiểm kê ở các địa phương là khác nhau. Do đó, cấu trúc mẫu biểu cũng là không cố định.

Vì vậy, trong hệ thống TK05 chúng tôi chỉ hỗ trợ tạo mẫu biểu và xuất ra Microsoft - Word để người sử dụng tự cập nhật số liệu biến động qua công cụ này.

1. Truy nhập chương trình. Chọn ĐVHC cần nhập số liệu, chọn biểu cần nhập



2. Nhấp chuột vào nút “Tổng hợp số liệu”



3. Xuất ra MS word để hiển thị báo cáo

4. Người dùng cập nhật biến động diện tích của địa phương theo mẫu báo cáo:

Xã Mỹ Đình-951217200713263 - Microsoft Word

File Edit View Insert Format Tools Table Window Help

Type a question for help

117% [Normal] + (Lat) .VnArial Narrow 10 B I U

Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/08/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Biểu số 05 - TKĐĐ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	Đơn vị báo cáo: Xã: Xã Mỹ Đình Huyện: Huyện Từ Liêm Tỉnh: Thành phố Hà Nội	
THỐNG KÊ, KIỂM KÊ VỀ TĂNG, GIẢM DIỆN TÍCH ĐẤT THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TỪ NĂM.....			
Đơn vị tính: ha			
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Mã	Diện tích tăng, giảm do chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú
		Tăng (+) Giảm (-)	
-1	-2	-3	-4
Tổng diện tích tự nhiên			

Ngày tháng năm Người lập biểu (ký, ghi rõ họ tên)	Ngày tháng năm TM. Ủy ban nhân dân (Chủ tịch ký tên, đóng dấu)
---	--

Page 1 Sec 1 1/1 At 0,7" Ln 1 Col 1 REC TRK EXT OVR English (U.S)

3.6 Biểu số 06-TKĐĐ

Biểu 06-TKĐĐ: Phân tích tình hình tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng

Biểu này áp dụng cho thống kê và kiểm kê đất đai, đối với cấp huyện được tổng hợp từ Biểu 05-TKĐĐ của các xã trực thuộc, đối với cấp tỉnh được tổng hợp từ Biểu 06-TKĐĐ của các huyện trực thuộc, đối với cả nước được tổng hợp từ Biểu 06-TKĐĐ của các tỉnh.

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm in kết quả của Biểu 06-TKĐĐ cho từng xã trực thuộc (chỉ in biểu rút gọn đối với các mục đích sử dụng đất có trên địa bàn xã đó);

1. Truy nhập chương trình. Chọn ĐVHC cần nhập số liệu, chọn biểu cần nhập, chọn hiển thị tất cả các hàng
2. Nhấp chuột vào nút **“Nhập số liệu”**

Chú ý: Người dùng nên tham khảo kỹ hướng dẫn nghiệp vụ, việc nhập số liệu cho biểu 06 khá phức tạp vì biến động các loại đất.

3. Nhập số liệu diện tích cho các chỉ tiêu
4. Chọn **“Thoát”** nếu không muốn lưu
5. Chọn **“No”** để thoát khỏi phần nhập liệu
6. Chọn **“Cancel”** để trở lại màn hình nhập liệu
7. Chọn **“Ghi”** để lưu số liệu vào CSDL
8. Chọn **“Tổng hợp số liệu”** để tổng hợp số liệu ĐVHC đã nhập
9. Chọn **“Xuất ra Msword”** để hiển thị báo cáo
10. Kết quả.

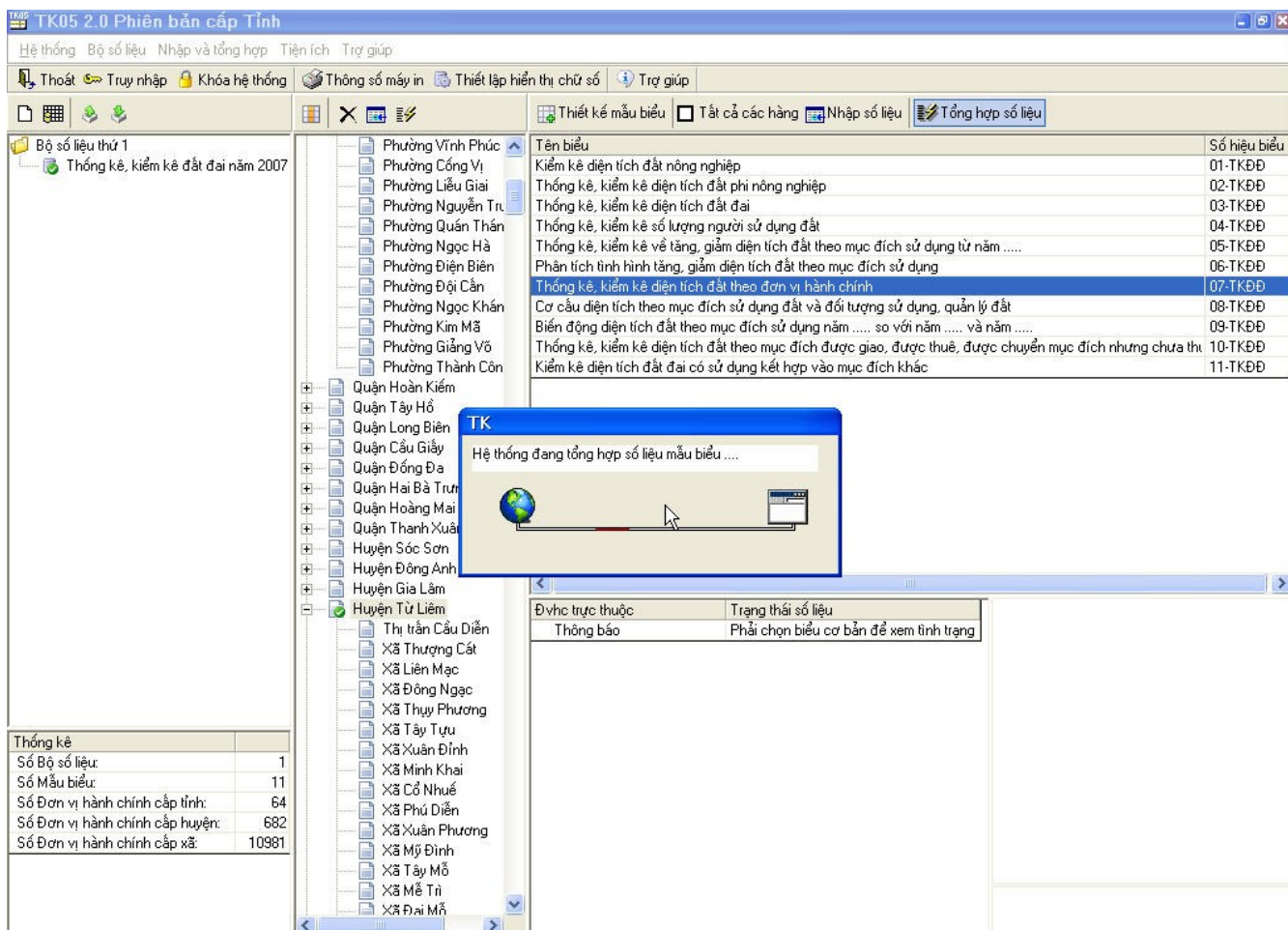
3.7 Biểu số 07-TKĐĐ

Biểu 07-TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê diện tích đất theo đơn vị hành chính

Biểu này áp dụng cho cả thống kê và kiểm kê đất đai để tổng hợp số liệu từ Biểu 03-TKĐĐ của các đơn vị hành chính trực thuộc;

1. Truy nhập chương trình. Chọn ĐVHC (cấp huyện, cấp tỉnh) cần tổng hợp số liệu, chọn biểu cần nhập

Chú ý: Nếu người dùng muốn tổng hợp số liệu cấp huyện, cấp tỉnh của biểu 07-TKĐĐ, thì trước hết phải tổng hợp số liệu cấp huyện, cấp tỉnh ở biểu 03-TKĐĐ.



2. Chọn “Xuất ra Msword” để hiển thị báo cáo

3. Kết quả.

Huyện Từ Liêm-9812172007133554 - Microsoft Word

File Edit View Insert Format Tools Table Window Help Type a question for help

60%

[Normal] + (Lat) .VnArial Narrow 10 B I U

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16

Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011-TT-BTTTT ngày 04/02/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc											Đơn vị báo cáo: Huyện Huyện Từ Liêm Tỉnh Thành phố Hà Nội				
Biểu số 01 - T/ĐD		THÔNG KÊ, KIỂM KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (Đến ngày 01/10/.....)											Đơn vị tính: ha				
Thứ tự	MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT	Mã	Tổng diện tích của loại đất trong địa giới hành chính	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp dưới trực thuộc													
				Thị trấn Đền	Xã Thượng Cát	Xã Liên Mạc	Xã Đông Ngọc	Xã Thụy Phương	Xã Tây Tựu	Xã Xuân Đỉnh	Xã Minh Khai	Xã Cổ Nhuế	Xã Phú Diễn	Xã Xuân Phương	Xã Mỹ Đình	Xã Tây Mỗ	Xã Mĩ Trì
-1	-2	-3	-4	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	Tổng diện tích đất nông nghiệp	NNP	42.1														42.1
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SNN	42.1														42.1
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	42.1														42.1
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUS	42.1														42.1
1.1.1.2	Đất có rừng sản xuất	COC															
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK															
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN															
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP															
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX															
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH															
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD															
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS															
1.4	Đất làm muối	LMU															
1.5	Đất rừng ngập nước khác	NKH															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	77														77
2.1	Đất ở	OTC	77														77
2.1.1	Đất ở tại đô thị	ODT															
2.1.2	Đất ở tại nông thôn	ODT	77														77
2.2	Đất chuyên dùng	CDG															
2.2.1	Đất xây dựng cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS															
2.2.2	Đất quốc phòng	COP															
2.2.3	Đất an ninh	CAN															
2.2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK															
2.2.5	Đất có mục đích công cộng	CCC															
2.3	Đất tôn giáo, văn hóa	TTN															
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD															
2.5	Đất trồng cây ăn quả và một số cây trồng khác	SNN															
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK															
3	Đất chưa sử dụng	CSD	88														88
3.1	Đất trồng chưa sử dụng	BXS	88														88
3.2	Đất trồng một số cây trồng	DCS															
3.3	Nơi đã khai thác mỏ đất	NCS															
4	Đất có mặt nước ven biển (quan sát)	MVB															
4.1	Đất mặt nước ven biển nuôi trồng thủy sản	MVT															
4.2	Đất mặt nước ven biển có rừng	MVR															
4.3	Đất mặt nước ven biển có mục đích khác	MVK															

Page 1 Sec 1 1/2 At 0.3" Ln 1 Col 1 REC TRK EXT OVR English (U.S)

3.8 Biểu số 08-TKĐĐ

Biểu 08-TKĐĐ: Cơ cấu diện tích theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất

Biểu này áp dụng cho thống kê và kiểm kê đất đai; mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất tính cơ cấu theo mục đích sử dụng đất và đối tượng sử dụng, quản lý đất của Biểu 03-TKĐĐ;

Đây là biểu tổng hợp, không cho nhập trực tiếp vào các đơn vị hành chính.

Các bước thực hiện giống biểu 7

3.9 Biểu số 09-TKĐĐ

Biểu 09-TKĐĐ: Biến động diện tích đất theo mục đích sử dụng

Biểu này áp dụng cho cả thống kê và kiểm kê đất đai để tính toán sự tăng, giảm diện tích đất theo mục đích sử dụng đất do chuyển mục đích sử dụng đất trên cơ sở tổng hợp số liệu từ Biểu 06-TKĐĐ;

Chú ý : Người dùng khi nhập số liệu cho diện tích các năm cần so sánh thì phải đồng nhất tại các cột. Ví dụ nếu nhập số liệu Đất trồng cây hàng năm khác năm 2006 tại cột (5) và số liệu năm 2005 tại cột (7) thì các tại các mục đích sử dụng khác cũng phải theo thứ tự như vậy

Chú ý: Tại báo cáo được kết xuất ra MSWord người dùng lưu ý nhập các năm so sánh số liệu cho các cột (5), cột (7)

Các bước thao tác giống với biểu 1

3.10 Biểu số 10-TKĐĐ

Biểu 10-TKĐĐ: Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích nhưng chưa thực hiện

Biểu này áp dụng trong thống kê và kiểm kê đất đai; diện tích đất trong biểu được tổng hợp đối với các trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, hoặc đã đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tại thời điểm thống kê, kiểm kê chưa sử dụng đất theo mục đích mới. Mục đích sử dụng đất trong biểu được tổng hợp theo mục đích sử dụng được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng đất;

Các bước thao tác giống với biểu 1

3.11 Biểu số 11-TKĐĐ

Biểu 11-TKĐĐ: Kiểm kê diện tích đất đai có sử dụng kết hợp vào mục đích phụ

Biểu này áp dụng trong kiểm kê đất đai; diện tích trong biểu được tổng hợp đối với các trường hợp đất sử dụng vào các mục đích chính (gồm đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất lâm nghiệp, đất ở, đất quốc phòng, đất an ninh, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất sông suối và mặt

nước chuyên dùng) có sử dụng kết hợp vào mục đích phụ (sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản hoặc sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp) đã được ghi trên hồ sơ địa chính.

Các bước thao tác giống với biểu 1

3.12 Biểu số 12-TKĐĐ

Biểu 12-TKĐĐ được sử dụng để điều tra chi tiết các chỉ tiêu đất lâm nghiệp (các chỉ tiêu này đã được thống nhất giữa 2 Bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường), trong đó đất qui hoạch lâm nghiệp bao gồm đất có rừng và đất chưa có rừng.

Các bước thao tác giống với biểu 1

3.13 Biểu số 13-TKĐĐ

Biểu 13- TKĐĐ sử dụng để tổng hợp tình hình biến động đất trồng lúa tính từ thời điểm 01/01/2005 đến ngày 01/01/2010. Các tiêu chí về loại đất trong biểu này được định nghĩa theo qui định của Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007. Tổng diện tích đất trồng lúa năm 2010 bằng diện tích đất trồng lúa năm 2005 trừ đi diện tích trồng lúa đã giảm do chuyển sang các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và giảm do các nguyên nhân khác; cộng với diện tích đất trồng lúa tăng.

Các bước thao tác giống với biểu 1.

Chú ý : Biểu này người dùng phải nhập vào một số hàng cấp cao, cụ thể :

Tên hàng	Nhập trực tiếp	Không cần nhập
Diện tích đất trồng lúa năm 2005	V	
Đất trồng lúa giảm do chuyển sang các loại đất khác		V
Chuyển sang đất khác trong nhóm đất nông nghiệp		V
Đất trồng cây hàng năm khác	V	
Đất trồng cỏ	V	
Đất trồng cây lâu năm	V	
Đất trồng cây ăn quả	V	
Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	V	
Đất lâm nghiệp	V	
Đất nuôi trồng thủy sản		V
SÊt nu«l trắng thuû s¶n níc lí, mÆn	V	
SÊt nu«l trắng thuû s¶n níc ngät	V	
Đất làm muối	V	
Đất nông nghiệp khác	V	
Chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp:		V
Đất ở		V
Đất ở đô thị	V	
Đất ở nông thôn	V	
Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	V	
Đất quốc phòng	V	

Đất an ninh	V	
Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	V	
Trong đó đất khu công nghiệp	V	
Đất có mục đích công cộng	V	
Trong đó: Đất giao thông	V	
Đất thủy lợi	V	
Đất cơ sở thể dục thể thao	V	
Trong đó: Đất sân gôn	V	
Đất tôn giáo, tín ngưỡng	V	
Đất nghĩa trang, nghĩa địa	V	
Mặt nước chuyên dùng	V	
Đất phi nông nghiệp khác	V	
Chuyển sang nhóm đất chưa sử dụng	V	
Trong đó: Đất hoang hóa do ô nhiễm môi trường	V	
Đất nhiễm mặn không trồng lúa được	V	
Giảm do các nguyên nhân khác	V	
Đất trồng lúa tăng		V
Do chuyển từ các loại đất khác	V	
Trong đó: Từ đất lâm nghiệp chuyển sang	V	
Khai hoang từ đất chưa sử dụng	V	
Do các nguyên nhân khác (đo đạc,...)	V	
Diện tích trồng đất lúa năm 2010 (D = A - B + C)		V

3.14 Biểu số 14-TKĐĐ

Biểu 14- TKĐĐ sử dụng để tổng hợp riêng, chi tiết đối với diện tích được giao sử dụng cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong đó mục đích sử dụng đất là các tiêu chí về loại đất được định nghĩa theo qui định của Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02 tháng 8 năm 2007.

Các bước thao tác giống với biểu 1.

3.15 Biểu số 15-TKĐĐ

Biểu 15- TKĐĐ sử dụng để tổng hợp các trường hợp thay đổi, bổ sung của tổ chức đang quản lý, sử dụng đất được nhà nước giao đất, cho thuê tính từ ngày 01/4/2008 đến ngày 01/01/2010.

Trường hợp số liệu kiểm kê quỹ đất của các tổ chức theo Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg phát hiện có sai sót thì phải báo cáo chi tiết nguyên nhân của sai sót đó

Biểu 15 nhập liệu vào file Excel mẫu, phần mềm chỉ hỗ trợ chuyển đổi dữ liệu từ Excel vào cơ sở dữ liệu tại phiên bản TK05 cấp toàn quốc.

3.16 Biểu số 16-TKĐĐ

Biểu 16- TKĐĐ sử dụng để tổng hợp tình hình xử lý vi phạm, tranh chấp đất đai của các tổ chức đã phát hiện qua đợt kiểm kê quỹ đất của các tổ chức đang quản lý, sử dụng đất được nhà

nước giao đất, cho thuê đất theo Chỉ thị 31/2007/CT-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm 01/4/2008 đến ngày 01/01/2010).

Biểu 16 nhập liệu vào file Excel mẫu, phần mềm chỉ hỗ trợ chuyển đổi dữ liệu từ Excel vào cơ sở dữ liệu tại phiên bản TK05 cấp toàn quốc.

3.17 Biểu số 17-TKĐĐ

Biểu 17- TKĐĐ sử dụng để thống kê tình hình đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đã đo đạc địa chính.

Các bước thao tác giống với biểu 1.

3.18 Biểu số 18-TKĐĐ

Biểu 18- TKĐĐ sử dụng để tổng hợp tình hình đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đã đo đạc địa chính theo đơn vị hành chính huyện, tỉnh và cả nước.

Các bước thao tác giống với biểu 7.

3.19 Biểu số 19-TKĐĐ.

Biểu 19 nhập liệu vào file Excel mẫu, phần mềm chỉ hỗ trợ chuyển đổi dữ liệu từ Excel vào cơ sở dữ liệu tại phiên bản TK05 cấp toàn quốc.

3.20 Biểu số 20, 21, 22, 23 TKĐĐ

(Đây là các biểu bổ sung, hỗ trợ cho một số địa phương cần tổng hợp theo một số chỉ tiêu cơ bản)

Khi tổng hợp xuất ra báo cáo cho một đơn vị hành chính cấp huyện hoặc tỉnh cần thiết phải tổng hợp biểu 1 (hoặc biểu 2, biểu 3) trước.

Các bước tổng hợp để xuất ra báo cáo giống thao tác với biểu 07